

Bản án số: 488/2019/DS-ST

Ngày: 06/11/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Quan.

2. Ông Trần Nghiệp Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thu L, sinh năm: 1964; địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người đại diện của nguyên đơn: Ông Trần Tấn H, sinh năm: 1996; địa chỉ: đường N, Phường L, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 00000990, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/4/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Ngô Đức Nhân) - có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Hán T, sinh năm: 1970; địa chỉ: đường N, Phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/9/2018, ông Huỳnh Hán T có ký Hợp đồng vay tiền với bà Hà Thu L, số tiền vay 500.00.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay là 01%/tháng. Hợp đồng vay tiền được lập tại

Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 21994, quyển số 9TP/CC-CC/HĐGD ngày 07/9/2018.

Ngày 07/12/2018, khi hết thời hạn cho vay, bà Hà Thu L đã yêu cầu ông Huỳnh Hán T trả số tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi như thỏa thuận nhưng ông T không hoàn trả được số tiền trên.

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 05/4/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 10/9/2019. trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Tấn H yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Huỳnh Hán T trả cho bà Hà Thu L số tiền 530.000.000 đồng, gồm (tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 07/9/2018 đến ngày 07/3/2019 là $500.000.000 \times 01\% \times 6 = 30.000.000$ đồng)

Tuy nhiên, ngày 10/9/2019, bà Hà Thu L đã thay đổi nội dung khởi kiện:

- Giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Hán T trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng.
- Không yêu cầu ông T phải trả số tiền lãi theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

** Đối với bị đơn ông Huỳnh Hán T:*

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, ông T đều thừa nhận có ký Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2018 với bà Hà Thu L, số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất vay là 01%/tháng.

Sau khi đến hạn, ông T không thanh toán được số tiền trên vì ông hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả nợ. Ngoài ra, ông T còn trình bày từ ngày 08/9/2018 đến ngày 20/11/2018 ông có trả cho bà L mỗi ngày là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 74.000.000 đồng. Tuy nhiên ông không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Hiện nay, ông T yêu cầu được trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho bà L cho đến khi hết số nợ 500.000.000 đồng nói trên.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Tấn H – trình bày: bà L giữ nguyên yêu cầu ông T hoàn trả cho bà số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng. Không yêu cầu ông T phải trả phần lãi theo thỏa thuận có trong hợp đồng.

Bị đơn – ông Huỳnh Hán T – trình bày: ông có vay tiền của bà L nhiều lần, có lãi suất. Ông đã hoàn trả hết phần tiền gốc, số tiền 500.000.000 đồng là tiền lãi mà ông chưa có khả năng hoàn trả. Tại phiên tòa, ngoài những tài liệu, chứng cứ đã giao nộp, ông T xuất trình:

- Hợp đồng vay tiền giữa ông và bà L được lập tại Phòng công chứng số 7 (số công chứng 31011, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2017).

- Giấy mượn tiền ngày 18/4/2018.

Theo ông T, nội dung Hợp đồng vay tiền và Giấy mượn tiền nói trên thể hiện bà L cho ông vay tiền có lãi suất. Ông T đã hoàn trả được một phần thì tiếp tục mượn tiền của bà L nên đã ký hợp đồng ngày 07/9/2018 vay số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không xác định được nợ gốc và lãi đã trả cho bà L, không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Ông T cũng xác nhận khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2018 với bà L thì Hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2017 và Giấy mượn tiền ngày 18/4/2018 không còn giá trị. Ông T xác nhận còn nợ và có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, ông T không có khả năng hoàn trả một lần số tiền trên nên đề nghị bà L cho ông trả dần 3.000.000 đồng/tháng đến khi hết số nợ trên.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông H – trình bày: Hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2017 và Giấy mượn tiền ngày 18/4/2018 trên ông có biết. Bà L cho ông T vay tiền nhiều lần, mỗi lần đều có viết giấy tay. Trong số các giấy nợ giữa ông T và bà L thì có hai tờ giấy có nội dung nêu trên. Sau khi cho ông T vay khoản nợ cuối cùng thì bà L và ông T đã thỏa thuận tất cả các khoản nợ của ông T là 500.000.000 đồng và ký hợp đồng công chứng. Tất cả các giấy nợ trước đây đều không còn giá trị và bà L đã hủy bỏ tất cả các giấy nợ trên nên không còn đề xuất trình cho Tòa án. Ông H khẳng định 500.000.000 đồng là số tiền ông T còn thiếu bà L và yêu cầu ông T hoàn trả cho bà L một lần sau khi bản án có hiệu lực, không chấp nhận việc ông T đề nghị trả dần số tiền này.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý, thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thu L, buộc ông Huỳnh Hán T có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thu L số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Huỳnh Hán T có ký Hợp đồng vay tiền với bà Hà Thu L, do đó có cơ sở xác định giữa ông T và bà L có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Bà L khởi kiện yêu cầu ông T hoàn trả tiền vay là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do ông T có nơi cư trú tại địa chỉ: đường N, Phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11,

Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/9/2019, tại phiên tòa, ông T xuất trình Hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2017, Giấy mượn tiền ngày 18/4/2018, Hội đồng xét xử đã công khai các tài liệu này tại phiên tòa.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc:*

Bà Hà Thu L yêu cầu ông Huỳnh Hán T hoàn trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà L và ông T có ký Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2018, được lập tại Phòng công chứng số 7 với sự chứng kiến của Công chứng viên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Do đó, có cơ sở xác định ông T vay bà L số tiền 500.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, ông T không hoàn trả đúng hạn là vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2018.

Những nhận định của Hội đồng xét xử là phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Đối với ý kiến của ông T về việc ông đã hoàn trả bà L số tiền 74.000.000 đồng, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa ông T và bà L theo yêu cầu của ông T vào ngày 10/9/2019. Tại phiên đối chất, bà L không thừa nhận có nhận khoản tiền này của ông T sau khi ký hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2018. Bản thân ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc mình đã hoàn trả số tiền này cho bà L. Do đó, không có cơ sở xác định việc ông T đã trả cho bà L số tiền 74.000.000 đồng.

[2.3] Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2017 và Giấy mượn tiền ngày 18/4/2018:

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2017 và Giấy mượn tiền ngày 18/4/2018 ông T xuất trình đều thể hiện ông T có vay tiền bà L mà không thể hiện được ông T có hoàn trả bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào cho bà L, cũng không thể hiện được lãi suất cho vay. Ngoài ra, ông T cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc mình đã trả một

phần tiền nợ cho bà L. Xét lời trình bày của ông T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do ông T không đưa ra đủ chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T trả số tiền lãi là 30.000.000 đồng tạm tính từ ngày 07/9/2018 đến ngày 07/3/2019. Tuy nhiên, ngày 10/9/2019, bà L đã có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T phải hoàn trả cho bà số tiền lãi. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết phần tiền lãi này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 12.600.000 đồng cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thu L.

Buộc ông Huỳnh Hán T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu L số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đình chỉ xem xét yêu cầu đối với phần tiền lãi thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2019.

Kể từ ngày 06/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Hán T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2019 số công chứng: 21994, quyền số 9TP/CC-CC/HĐGD lập tại Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ

Chí Minh. “Mức lãi suất các bên thỏa thuận” là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Hán T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Hà Thu L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0010056 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Diệp